HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày 24 tháng 02 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 27 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 09-KL/BCĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp, tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Xét Tờ trình số 373/TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.335 biên chế**,** trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 15.453 biên chế (94,60%);

- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 882 biên chế (5,4%);

2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: 5.391 biên chế (33%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 4.817 biên chế (89,35%).

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 574 biên chế (10,65%).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: 10.939 biên chế (66,97%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.636 biên chế (97,23%);

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 303 biên chế (2,77%).

- Biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập: 05 biên chế (0,03%).

II. Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 76 biên chế, trong đó:

1. Cấp tỉnh: 65 biên chế;

2. Cấp huyện: 10 biên chế;

3. Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 01 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 27 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 02 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục

TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**	**16.335**	**15.453**	**882**	***11.613***	***389***	***2.808***	***423***	***470***	***23***	***62***	***5***	***500***	***42***
I	**Sở, ban, ngành**	**5.391**	**4.817**	**574**	**1.367**	**86**	**2.808**	**423**	**281**	**23**	**62**	**5**	**299**	**37**
1	Sở Nội vụ	**54**	53	1	18	0	21	0					14	1
2	Sở Tư pháp	**40**	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	**24**	22	2									22	2
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	**219**	198	21									198	21
5	Sở Khoa học và Công nghệ	**65**	60	5							60	5		
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	**218**	204	14					204	14				
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	**1.393**	1307	86	1307	86								
8	Sở Y tế	**3.252**	2829	423	42	0	2787	423						
9	Sở Ngoại vụ	**7**	7	0									7	0

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
10	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	**17**	17	0									17	0
11	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	**11**	0	11									0	11
12	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	**86**	77	9					77	9				
13	Quỹ Phát triển đất	**3**	3	0									3	0
14	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	**2**	2	0							2	0		
II	**UBND các huyện, thành phố**	**10.939**	**10.636**	**303**	***10.246***	***303***	***0***	***0***	***189***	***0***	***0***	***0***	***201***	***0***
1	UBND huyện Bảo Lâm	**1.387**	1347	40	1.312	40			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	**1.204**	1164	40	1.141	40			12				11	
3	UBND huyện Hà Quảng	**1.602**	1567	35	1.515	35			28				24	
4	UBND huyện Hạ Lang	**561**	546	15	519	15			16				11	
5	UBND huyện Hoà An	**953**	933	20	901	20			13				19	
6	UBND huyện Nguyên Bình	**947**	919	28	886	28			17				16	

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
7	UBND huyện Quảng Hoà	**1.266**	1236	30	1.187	30			22				27	
8	UBND huyện Thạch An	**706**	680	26	651	26			16				13	
9	UBND huyện Trùng Khánh	**1.314**	1275	39	1.223	39			26				26	
10	UBND thành phố Cao Bằng	**999**	969	30	911	30			20				38	
III	**Số biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập**	**5**	0	**5**									0	**5**
B	**CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ**	**76**												
I	**Các hội ở cấp tỉnh**	**65**												
1	Liên minh Hợp tác xã	14												
2	Hội Văn học nghệ thuật	7												
3	Hội Chữ thập đỏ	9												
4	Hội Người mù	5												
5	Hội Đông y	6												

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
6	Hội Nhà báo	5												
7	Hội Khuyến học	1												
8	Hội Luật gia	1												
9	Hội Bảo vệ môi trường và Làm vườn	4												
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6												
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em	1												
12	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1												
13	Hội Cựu thanh niên xung phong	1												
14	Hội Kiến trúc sư	1												
15	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1												
16	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2												
II	**Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố**	**10**												
1	Bảo lâm	1												

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
2	Bảo Lạc	1												
3	Hà Quảng	1												
4	Hạ Lang	1												
5	Hòa An	1												
6	Nguyên Bình	1												
7	Quảng Hòa	1												
9	Thạch An	1												
12	Trùng Khánh	1												
13	Thành phố Cao Bằng	1												
III	**Số biên chế thu hồi sau sắp xếp đơn vị hành chính**	**1**												